

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Vận tải đa phương thức Vietranstimex

Ngày 30/09/2025	8,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	12.5%	0%

DT thuần Q3/25
29.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼19.8 -40.5%
YoY: ▼32.6 -52.8%

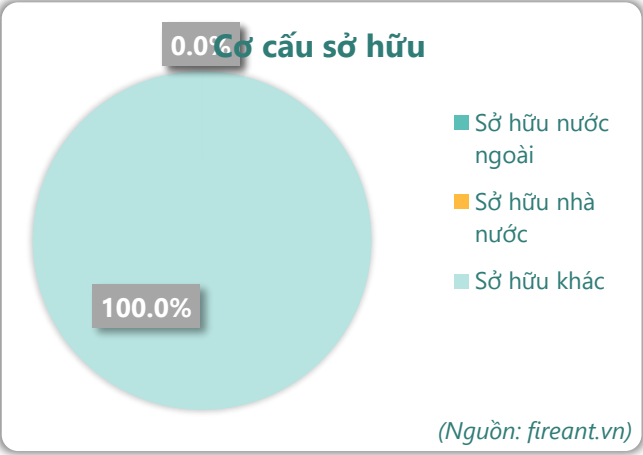
LN thuần Q3/25
-10.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.85 -119%
YoY: ▲ 6.50 37.4%

LN sau thuế Q3/25
-10.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.85 -119%
YoY: ▲ 10.8 49.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-32.7%
YoY: +/-▼ 25.3%

ROE (TTM) Q3/25
-78.9%
YoY: +/-▼ 1.8%

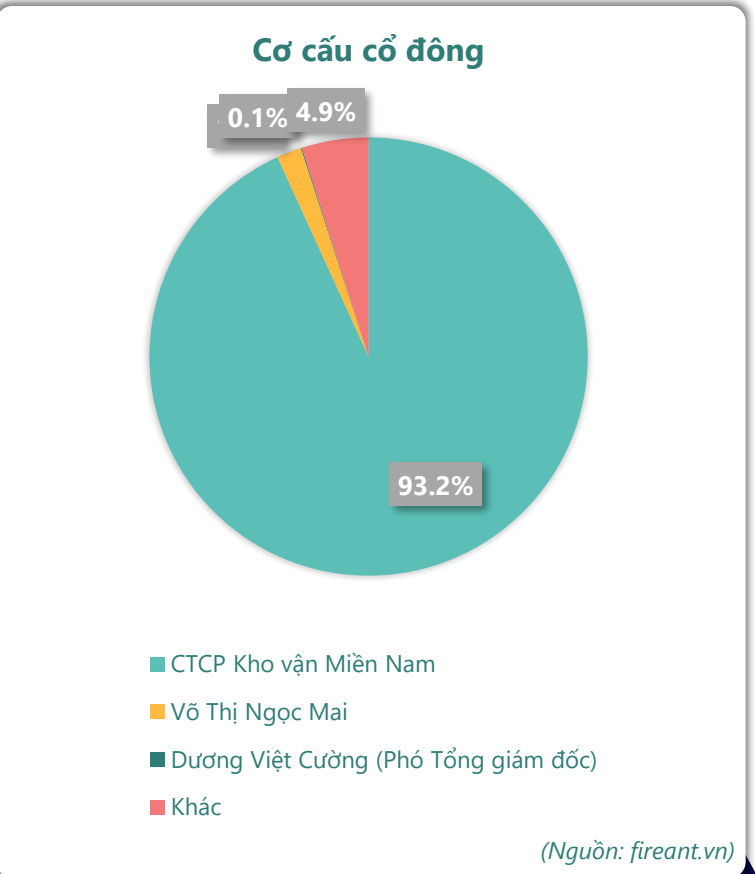
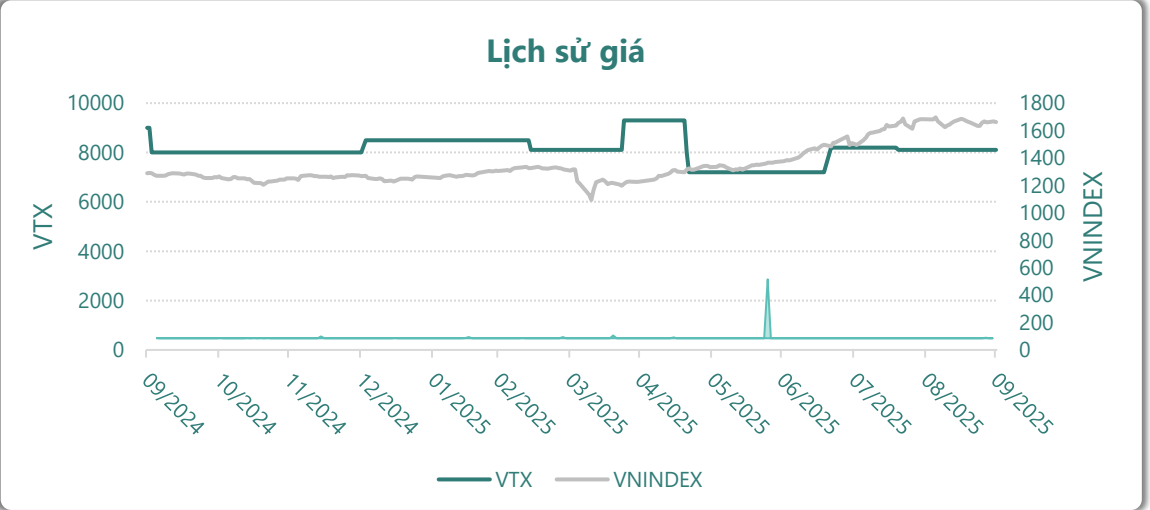
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,200 - 9,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	170
Số lượng CPLH (CP)	20,972,321
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.04
EPS	-3,487
P/E	-2.3



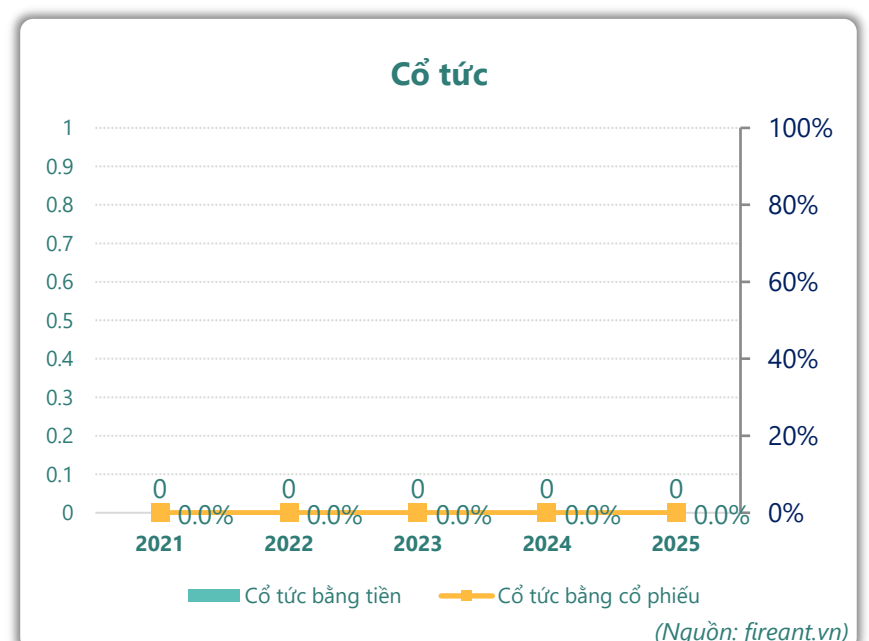
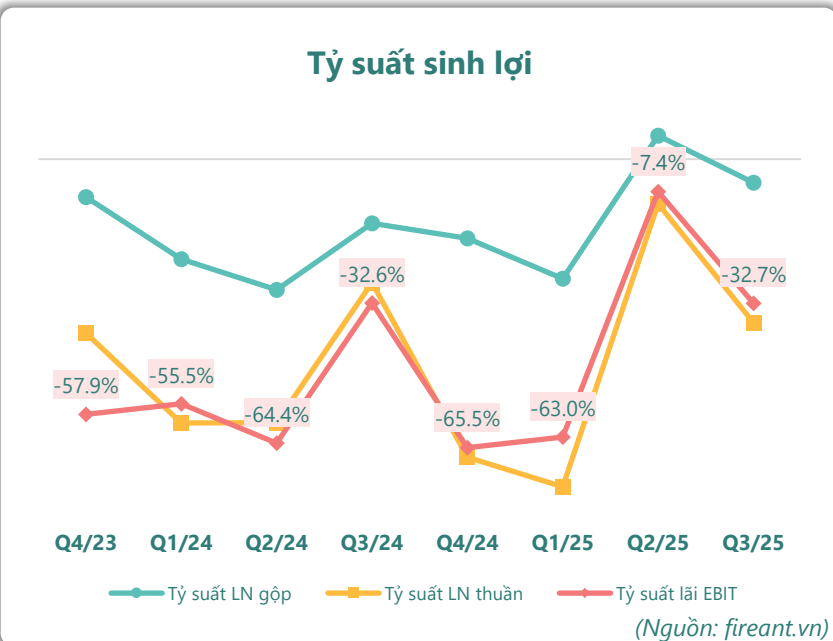
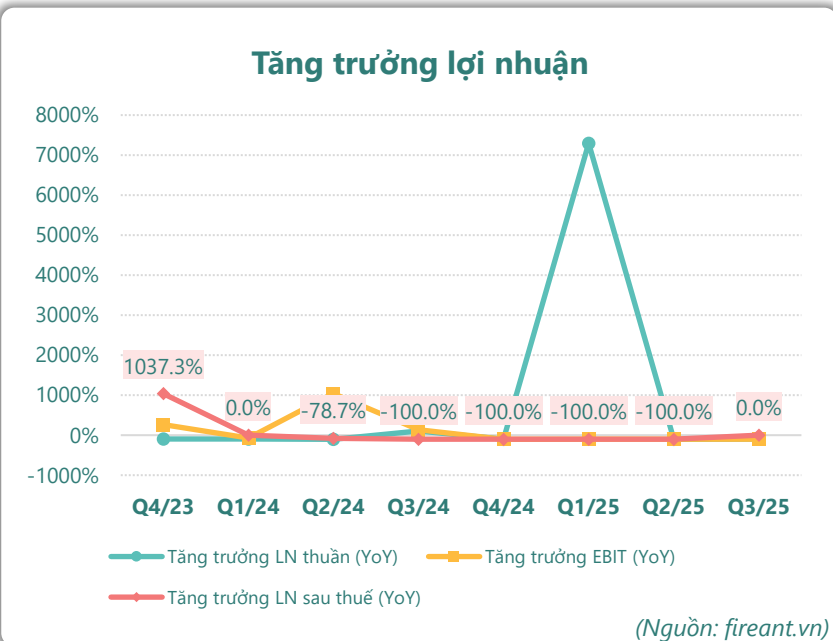
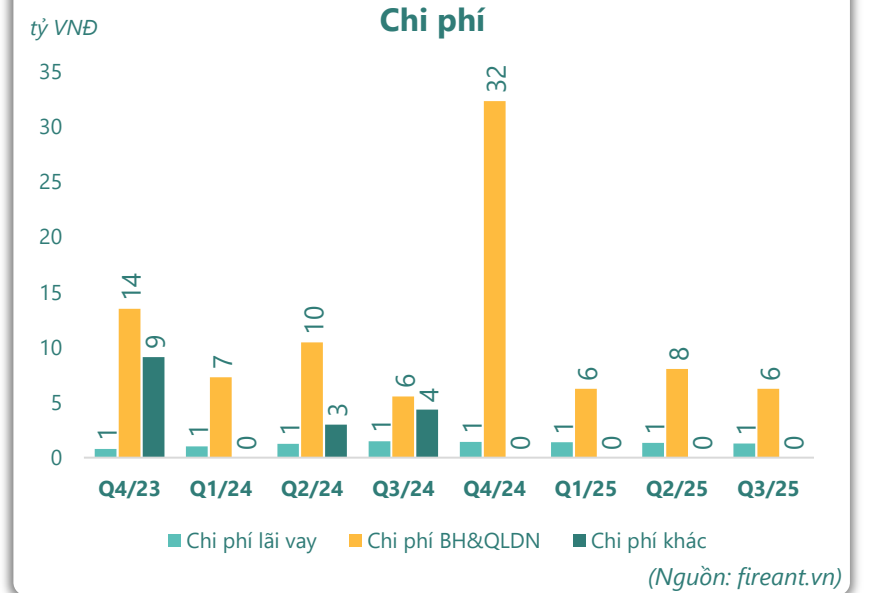
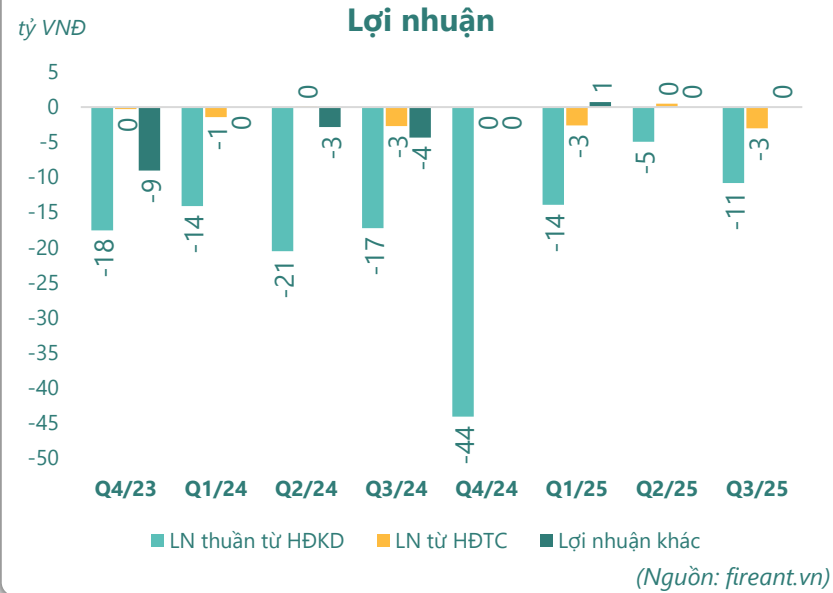
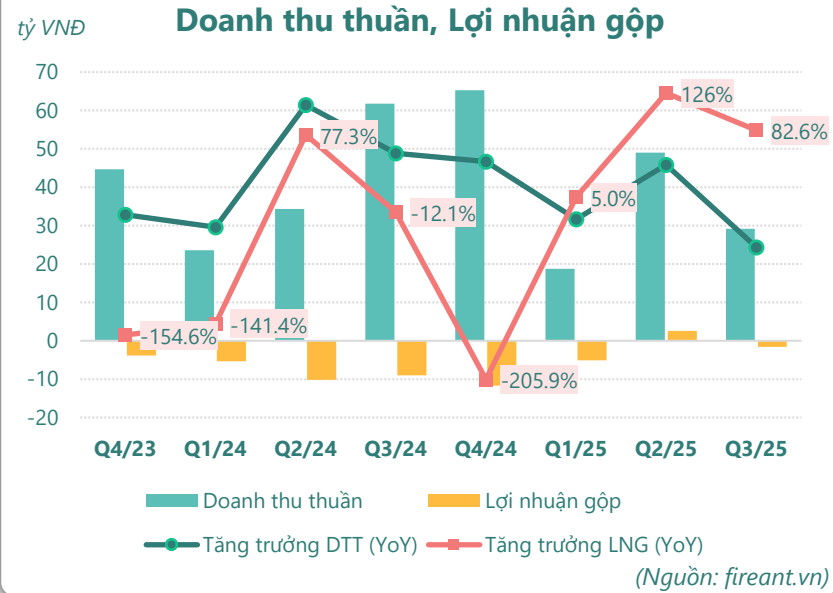
DT thuần 9T 2025
96.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼23.1 -19.0%

LN thuần 9T 2025
-29.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.2 42.8%

LN sau thuế 9T 2025
-29.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.4 52.0%



KẾT QUẢ KINH DOANH

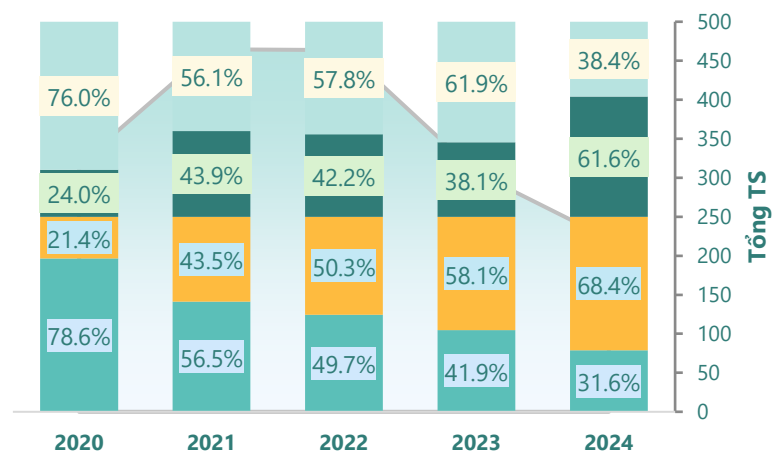




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

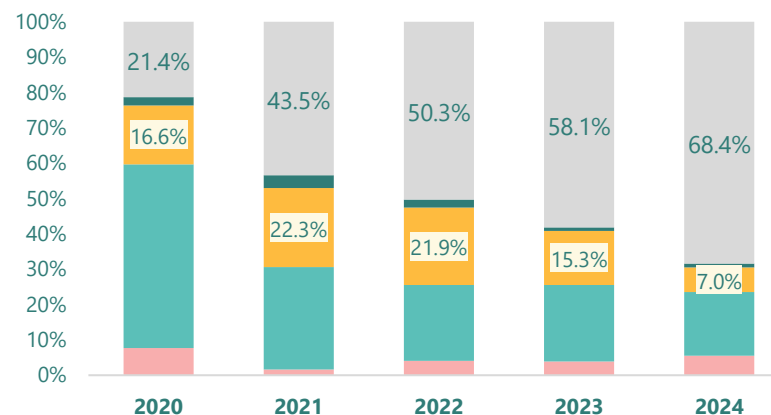
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

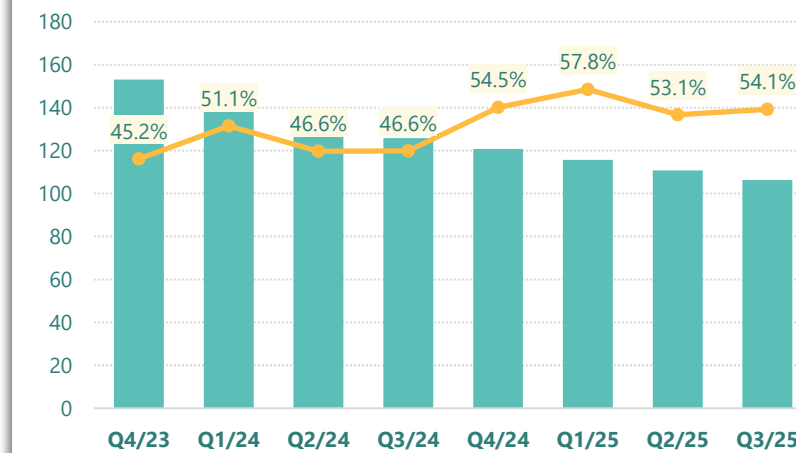


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

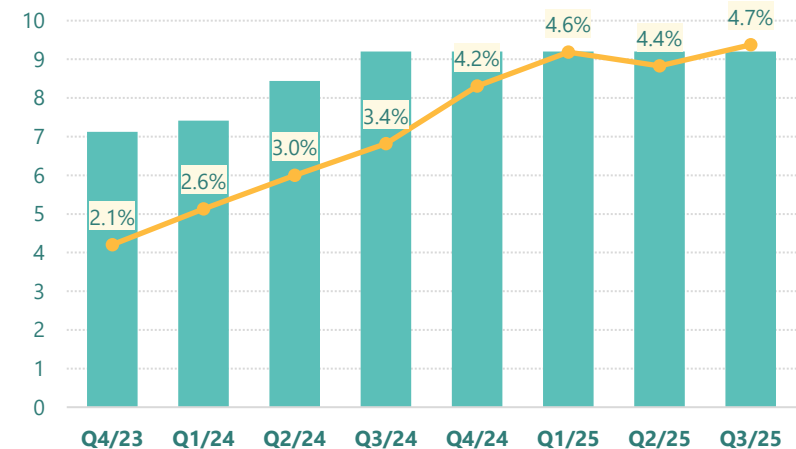


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

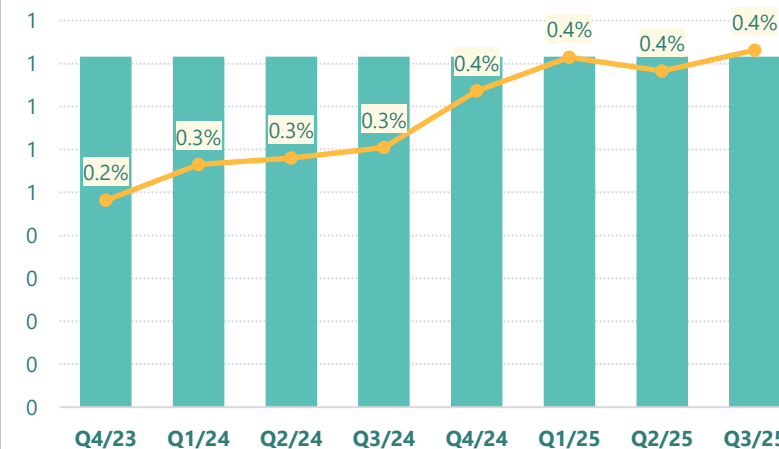


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

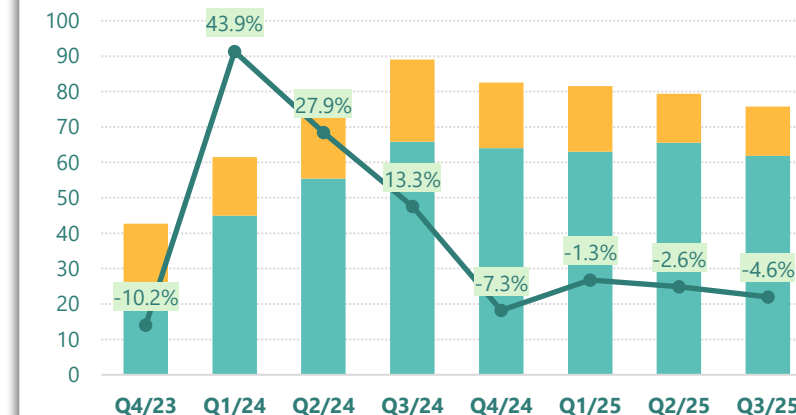


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

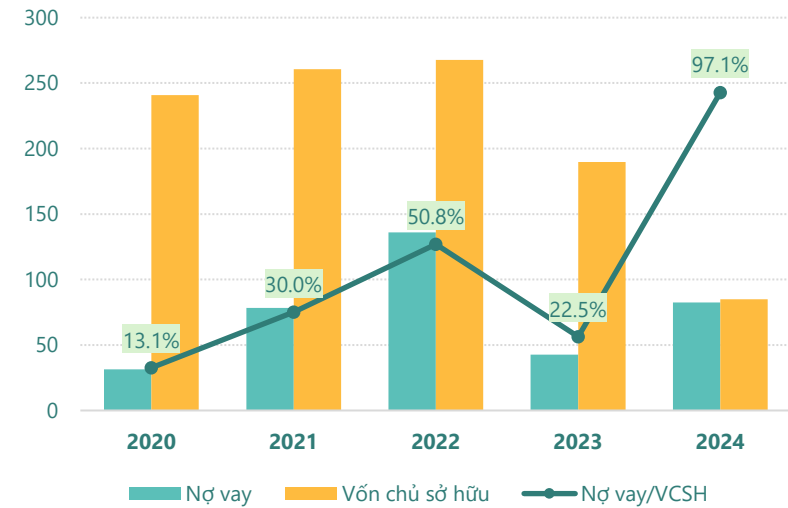
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

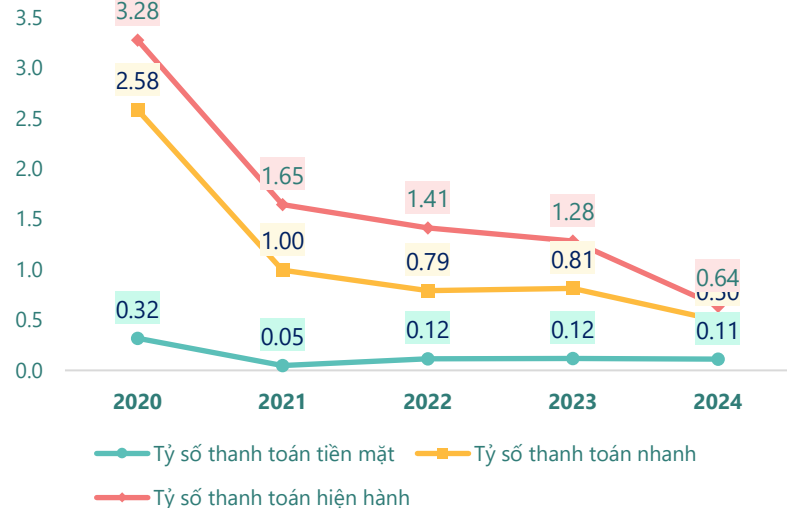
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



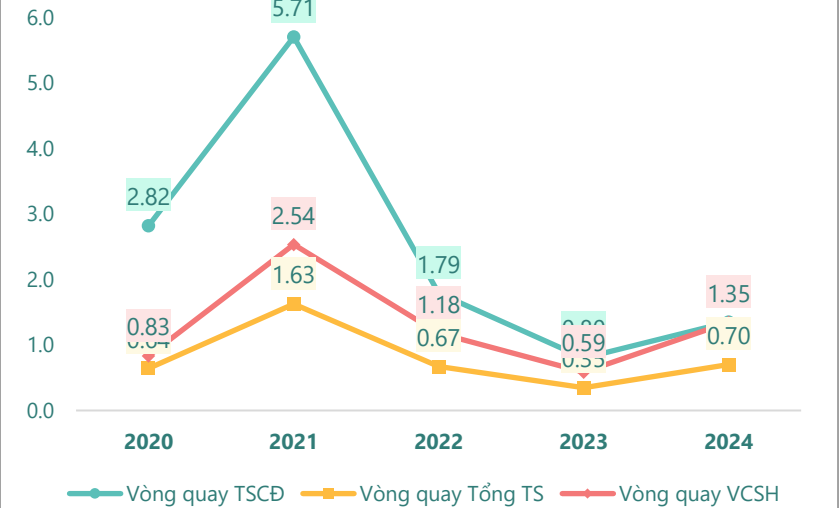
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



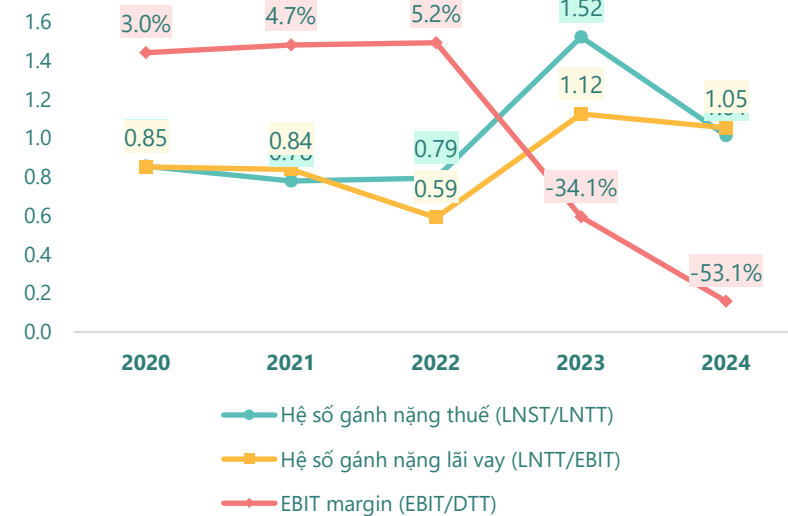
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



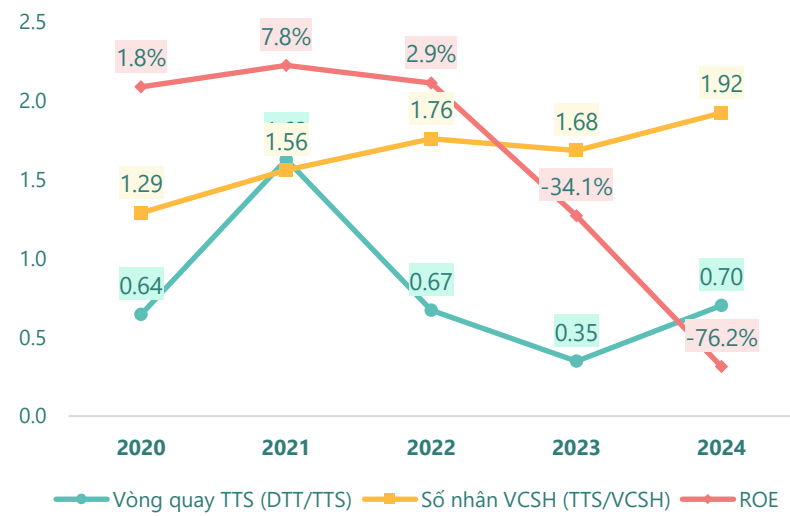
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



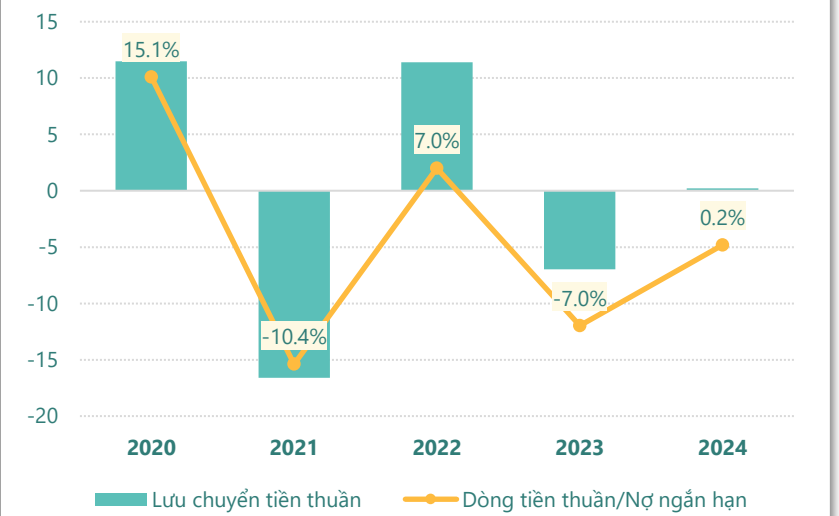
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	29.2	61.8	-52.8%	96.9	120	-19.0%
Giá vốn hàng bán	30.7	70.8	-56.6%	101	144	-30.0%
Lợi nhuận gộp	-1.56	-8.99	82.6%	-4.02	-24.5	83.6%
Doanh thu HĐTC	-1.70	-1.23	-38.4%	-1.10	-0.29	-277%
Chi phí TC	1.30	1.49	-12.7%	4.03	3.78	6.6%
Chi phí lãi vay	1.30	1.49	-13.1%	4.02	3.78	6.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.31	1.04	25.5%	3.68	3.25	13.4%
Chi phí QLDN	4.96	4.52	9.6%	16.9	20.1	-15.9%
LN thuần từ HĐKD	-10.8	-17.3	37.4%	-29.7	-51.9	42.8%
Lợi nhuận khác	0.00	-4.36	100%	0.73	-7.21	110%
LN trước thuế	-10.8	-21.6	49.9%	-29.0	-59.1	51.0%
Lợi nhuận sau thuế	-10.8	-21.6	49.9%	-29.0	-60.4	52.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-10.8	-21.6	49.9%	-29.0	-60.4	52.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-15.9	-7.09	6.13	1.06	18.5	-12.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	17.4	-0.68	0.07	0.01	-7.94	-0.31
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.22	10.4	-6.48	-1.03	-2.11	-3.66
Tiền đầu kỳ	9.50	9.77	12.4	12.2	12.2	20.6
Lưu chuyển tiền thuần	0.27	2.67	-0.28	0.04	8.41	-16.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	9.77	12.4	12.2	12.2	20.6	4.53

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	196	221	-11.4%
Tài sản ngắn hạn	63.0	69.9	-9.9%
Tiền và tương đương tiền	4.53	12.2	-62.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.00	0	
Phải thu ngắn hạn	31.3	40.0	-21.7%
Hàng tồn kho	17.0	15.4	10.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.16	2.32	-6.9%
Tài sản dài hạn	133	152	-12.0%
Phải thu dài hạn	2.29	2.40	-4.9%
Tài sản cố định	106	121	-12.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.20	9.20	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.82	0.82	0.0%
Tài sản dài hạn khác	14.7	18.4	-19.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	140	136	2.8%
Nợ ngắn hạn	119	110	7.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	61.9	64.0	-3.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.4	30.9	-1.5%
Nợ dài hạn	21.7	26.5	-18.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	13.9	18.5	-25.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	56.0	85.0	-34.1%
Vốn chủ sở hữu	56.0	85.0	-34.1%
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

